

- HS: Vở

III. Các hoạt động dạy học

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>															
<p>1. Ổn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS nêu cách tìm số bị trừ, số trừ?- GV nhận xét. <p>3. Bài mới:</p> <p><i>3.1. Giới thiệu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none">- GV nêu mục đích, yêu cầu. <p><i>3.2. Hoạt động:</i> HD làm bài tập:</p> <p><u>Bài 1:</u> Tính</p> <ul style="list-style-type: none">- Phát phiếu cho HS.- Nhận xét, cho điểm HS. <p><u>Bài 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Bài toán yêu cầu gì?- Yêu cầu HS nêu cách tính?- Phát phiếu và yêu cầu HS làm bài vào phiếu.- Nhận xét. <p><u>Bài 3/b:</u> Viết số thích hợp vào ô trống.</p> <ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu HS làm phiếu HT.- Nêu cách tìm SBT? Số trừ? <p>- Chữa bài, nhận xét.</p> <p><u>Bài 4:</u> Bài toán</p> <ul style="list-style-type: none">- HD phân tích đề và giải:+ Bài toán cho biết gì?+ Bài toán hỏi gì?+ Muốn biết can to đựng được bao nhiêu lít dầu ta làm thế nào?- Yêu cầu HS làm bài vào vở.	<ul style="list-style-type: none">- HS hát.- HS đứng tại chỗ nêu.- HS khác nhận xét. <ul style="list-style-type: none">- HS tự làm bài vào vở phiếu.- Đổi phiếu - Kiểm tra. <p>Kết quả: 70, 58, 100, 25, 85</p> <ul style="list-style-type: none">- Tính- Tính từ trái sang phải.- HS làm phiếu HT.- Chữa bài. <ul style="list-style-type: none">- HS đọc đề bài.- HS nhận phiếu và làm phiếu HT.- HS nêu. <p>Đáp án:</p> <table border="1"><tbody><tr><td>Số bị trừ</td><td>44</td><td>63</td><td>64</td><td>90</td></tr><tr><td>Số trừ</td><td>18</td><td>36</td><td>30</td><td>38</td></tr><tr><td>Hiệu</td><td>26</td><td>27</td><td>34</td><td>52</td></tr></tbody></table> <ul style="list-style-type: none">- Đọc đề bài.- HS trả lời. <ul style="list-style-type: none">- HS tóm tắt và làm bài vào vở.- 1 HS làm trên bảng lớp. <p><u>Bài giải:</u></p> <p>Can to đựng số lít dầu là:</p> $14 + 8 = 22 (l)$ <p>Đáp số: 22l dầu</p> <ul style="list-style-type: none">- Chữa bài.	Số bị trừ	44	63	64	90	Số trừ	18	36	30	38	Hiệu	26	27	34	52
Số bị trừ	44	63	64	90												
Số trừ	18	36	30	38												
Hiệu	26	27	34	52												

<p>- Chấm, chữa bài.</p> <p>Bài 5:</p> <p>- Gọi HS đọc đề bài.</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách vẽ đoạn thẳng.</p> <p>- Đoạn thẳng dài 1dm thì ?</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>4. Hoạt động nối tiếp:</p> <p>+ Củng cố:</p> <p>- Yêu cầu HS nêu cách vẽ đoạn thẳng và đường thẳng?</p> <p>- Dặn HS ôn luyện lại bài.</p>	<p>- HS đọc đề bài.</p> <p>- Vạch 1 điểm làm điểm đầu của đoạn thẳng. Đặt thước sao cho điểm đầu của đoạn thẳng trùng với vạch 0 trên thước. Đặt thước song song với trang giấy, vẽ một đoạn thẳng, dùng bút tại vạch chỉ số đo cần vẽ.</p> <p>- Điểm cuối cùng trùng với vạch 10cm trên thước kẻ.</p> <p>- 2 HS thực hành vẽ trên bảng.</p>
---	--

TIẾNG VIỆT
TIẾT 156: ÔN TẬP - KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 4)

1. Mục tiêu

- Tiếp tục kiểm tra lấy điểm tập đọc và học thuộc lòng.
- Nhận biết được từ chỉ hoạt động và dấu câu đó học.
- Biết cách nủi lời an ủi và cách hỏi để người khác tự giới thiệu về mình.

II. Thiết bị dạy học

- GV: Phiếu viết tên các bài tập đọc, tranh minh hoạ BT2,
- HS: Vở, SGK

III. Các hoạt động dạy học

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>1. Ổn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <p>- Không kiểm tra.</p> <p>3. Bài mới:</p> <p><i>3.1. Giới thiệu bài:</i></p> <p>- GV nêu mục đích, yêu cầu.</p> <p><i>3.2. Hoạt động 1: Kiểm tra tập đọc</i></p> <p>- Thực hiện tương tự tiết 1.</p> <p>+ Kiểm tra tập đọc (kiểm tra nốt số HS còn lại).</p> <p>- GV nhận xét, ghi điểm.</p>	<p>- HS hát.</p> <p>- Từng HS lên bốc thăm bài tập đọc (xem lại bài đọc khoảng 2 phút).</p> <p>- Đọc 1 đoạn hoặc cả bài trong phiếu đó chỉ định và trả lời câu hỏi.</p>

<p>3.3. <i>Hoạt động 2</i>: HD làm bài tập</p> <p><u>Bài tập 2</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - GV treo bảng phụ. <p>- GV nhận xét chốt lại ý đúng: <i>nằm (lì), lim dim, kêu, chạy, vươn, dang, vỗ, gáy.</i></p> <p><u>Bài tập 3</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. <p>- GV nhận xét: Trong đoạn văn sử dụng dấu (dấu phẩy, dấu chấm, dấu chấm than, dấu hai chấm, dấu ngoặc kép, dấu ba chấm).</p> <p><u>Bài tập 4</u>:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. <p>- GV nhận xét: Chú công an có thể nói như sau: <i>Cháu đừng khóc nữa, chú sẽ đưa cháu về nhà ngay. Nhưng cháu hãy nói cho chú biết: Cháu tên là gì? Mẹ (bố, ông, bà ...) cháu tên là gì? Nhà cháu ở đâu?...</i></p> <p>4. Hoạt động nối tiếp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét tiết học. - Tuyên dương những em học sôi nổi. 	<ul style="list-style-type: none"> + Đọc đoạn văn tìm 8 từ chỉ hoạt động. - HS tìm và viết ra giấy nháp. - 1 HS lên bảng. - Nhận xét bài làm của bạn. <p>+ Đoạn văn ở BT 2 có những dấu câu nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS phát biểu ý kiến. - Nhận xét. <p>+ 1 HS đọc tình huống và yêu cầu bài tập.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cả lớp đọc thầm. - Từng cặp HS thực hành đóng vai hỏi - đáp. - Nhận xét.
--	--

TIẾNG VIỆT

TIẾT 156: ÔN TẬP - KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I (TIẾT 5)

I. Mục tiêu

- Kiểm tra lấy điểm các bài tập đọc trong sách TV 2, tập 1.
- Tìm được các từ chỉ hoạt động theo tranh vẽ và đặt câu với từ đúng. Biết nói lời mời, nhờ, đề nghị phù hợp với tình huống cụ thể.
- HS chăm chỉ học tập.

II. Thiết bị dạy học

- GV: Phiếu ghi tên bài TĐ, tranh minh họa câu chuyện trong SGK (BT 2)
- HS: SGK

III. Các hoạt động dạy học

<i>Hoạt động của thầy</i>	<i>Hoạt động của trò</i>
<p>1. Ôn định lớp:</p> <p>2. Kiểm tra bài cũ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không kiểm tra. <p>3. Bài mới:</p> <p><i>3.1. Giới thiệu bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu mục đích, yêu cầu. <p><i>3.2. Hoạt động 1: Kiểm tra tập đọc.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện tương tự tiết 1. - Kiểm tra tập đọc và học thuộc lòng. <p>- GV nhận xét, ghi điểm.</p> <p><i>3.3. Hoạt động 2: HD làm bài tập.</i></p> <p><u>Bài tập 2:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đọc yêu cầu BT. <p>- GV chốt lại 5 từ chỉ hoạt động: (tập thể dục, vẽ, học, cho gà ăn, quét nhà).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu HS tập đặt câu với mỗi từ ngữ tìm được. + GV viết nhanh câu đúng. <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chúng em tập thể dục. - Chúng em vẽ tranh. - Em học bài. - Em cho gà ăn. - Em quét nhà. <p><u>Bài tập 3:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Gọi HS đọc yêu cầu bài tập. - Yêu cầu HS làm bài vào vở bài tập. <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p> <p>4. Hoạt động nối tiếp:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS hát. <p>+ Từng HS lên bốc thăm bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc một đoạn hoặc cả bài theo chỉ định trong phiếu. <p>+ 1 HS đọc yêu cầu của bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS quan sát để hiểu nội dung từng tranh, viết nhanh ra nháp từ ngữ chỉ hoạt động trong mỗi tranh. - HS nối tiếp nhau nêu đáp án. <ul style="list-style-type: none"> - HS nhắm trong đầu hoặc ghi nhanh ra nháp. - Nhận xét bạn <p>+ Đọc yêu cầu của bài.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS làm bài vào vở bài tập. - Nhiều HS nối tiếp nhau đọc bài viết của mình. <p>Ví dụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thưa cô, chúng em kính mời cô đến dự buổi họp mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20 - 11 ở lớp chúng em ạ. - Bạn ơi, kênh giúp mình cái ghế với! - Đề nghị các bạn ở lại họp sao nhi đồng.

* **Kết luận** : Chăm chỉ học tập là tự cố gắng hoàn thành bài tập được giao, tự giác học tập mà không cần nhắc nhở. Có vậy mới giúp em học tập đạt kết quả tốt hơn, được thầy cô, bạn bè yêu mến, bố mẹ hài lòng.

Quan tâm giúp đỡ bạn bè. - GV treo tranh cho HS quan sát và nhận xét về các bức tranh.

+ Tranh 1 : Cho bạn mượn đồ dùng học tập.

+ Tranh 2 : Giảng bài cho bạn.

+ Tranh 3 : Cho bạn chép bài khi kiểm tra.

- Gọi đại diện các nhóm trình bày.

- GV nhận xét.

* **Kết luận** : Luôn vui vẻ, chan hòa với bạn, sẵn sàng giúp đỡ bạn khi gặp khó khăn trong học tập, trong cuộc sống là quan tâm giúp đỡ bạn bè.

3.4. **Hoạt động 3**: Giữ gìn trường lớp sạch đẹp.

- Hướng dẫn HS làm phiếu học tập theo tổ.

- Đánh dấu + vào ô trước các ý kiến mà em đồng ý.

Trường lớp sạch đẹp có lợi cho sức khỏe.

Giữ gìn trường lớp sạch đẹp là bổn phận của mỗi HS.

Giữ gìn trường lớp sạch đẹp chỉ là trách nhiệm của bác lao công.

* **Kết luận**: Giữ gìn trường lớp sạch đẹp là bổn phận của mỗi HS điều đó thể hiện lòng yêu trường, yêu lớp và giúp các em được sinh hoạt, học tập trong môi trường trong lành.

3.5. **Hoạt động 4**: Giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng.

- Kê tên các nơi công cộng.

- Mỗi nơi ấy có lợi ích gì ?

- Để giữ trật tự vệ sinh nơi công cộng. Cần làm gì và tránh gì ?

- Giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng có tác dụng gì ?

Kết luận: Nơi công cộng mang lại nhiều lợi ích cho mọi người. Trường học là nơi học tập; bệnh viện là nơi khám chữa bệnh,.... Giữ trật tự, vệ sinh nơi công cộng giúp cho

- HS quan sát tranh trên bảng, thảo luận theo nhóm đôi.

- Đại diện các nhóm trình bày.

- HS nhắc lại.

- HS nhận phiếu, làm bài vào phiếu.

- Đại diện các nhóm trình bày, giải thích lý do chọn đáp án đó.

- Các nhóm khác nhận xét.

- HS nhắc lại.

- Trường học, bệnh viện, chợ ...

- HS nêu.

- Bỏ rác vào nơi quy định, không gây ồn ào, đi nhẹ, nói khẽ,...

- Giúp cho công việc của mọi người được thuận lợi.

- HS nhắc lại.